



lǎo diē

老爹

noun · dad; old man (informal)

Example Sentences

Lǎo diē jīn tiān dài wǒ qù diào yú le
老爹今天带我去钓鱼了。

Dad took me fishing today.

Wǒ lǎo diē zuò de cài zuì hǎo chī
我老爹做的菜最好吃。

My dad's cooking is the best.

Trace each character, then write the word on your own.

老	老	老	老	老	老	老	老	老		
爹	爹	爹	爹	爹	爹	爹	爹	爹	爹	爹
爹	爹									